



**Cụm động từ, cụm từ,
các từ đi với giới từ thường gặp**

A- CỤM TỪ + OF

1. Ash	of	Xấu hổ về...
2. Af	of	E ngại về...
3. Ah	of	Trước
4. Aw	of	Nhận thức
5. Ca	of	Có khả năng
6. Con	of	Tin tưởng về.....
7. Do	of	Nghi ngờ về.....
8. F	of	Thích
9. F	of	Đầy
10. Ho	of	Hy vọng về...
11. In	of	Độc lập
12. Ne	of	Lo lắng
13. Pr	of	Tự hào
14. Jea	of	Ganh tị
15. Gui	of	Phạm tội về...
16. Si	of	Chán nản về
17. Sca	of	Sợ hãi
18. Sus	of	Nghi ngờ về
19. Joy	of	Vui mừng về
20. Qu	of	Nhanh chóng về...
21. Ti	of	Mệt mỏi về..
22. Te	of	Khiếp sợ về...

B- CỤM TỪ + TO

1	A	to	Có thể
2	Acep	to	Có thể chấp nhận
3	Acc	to	Quen với
4	Agree	to	Có thể đồng ý
5	Adi	to	Đam mê
6	Avai	to s.b	Sẵn cho ai
7	De	to s.b	Thú vị đối với ai
8	Fa	to s.b	Quen thuộc với ai
9	Cle	to	Rõ ràng
10	Con	to	Đối lập với
11	Equ	to	Tương đương với
12	Ex	to	Phơi bày

13	Favour	to	Tán thành, ủng hộ
14	Grate	to	Biết ơn ai
15	Harm	to s.b	Có hại (cho ai)
16	Imp	to	Quan trọng với...
17	Ide	to s.b	Giống hệt ai
18	Ki	to	Từ tế
19	Like	to	Có thể
20	Necess	to	Cần thiết cho
21	Op	to	Cởi mở
22	Plea	to	Hài lòng
23	Prefer	to	Thích đáng hơn
24	Profit	to	Có lợi
25	Respon	to	Có trách nhiệm với
26	Ru	to	Thô lỗ, cộc cằn
27	Si	to	Tương tự
28	Use	to	Có ích cho ai
29	Will	to	Sẵn lòng

C- CỤM TỪ + FOR

1	Avai	for	Có sẵn (cái gì)
2	Anx	for/ about	Lo lắng
3	B	for	Xấu cho
4	G	for	Tốt cho
5	Con	for	Thuận tiện cho
6	Diff	for	Khó khăn cho
7	La	for	Trễ
8	Dan	for	Nguy hiểm
9	Fa	for	Nổi tiếng
10	Fi	for	Thích hợp
11	Well -	for	Nổi tiếng
12	Gree	for	Tham lam
13	Gra	for	Biết ơn về việc
14	Nece	for	Cần thiết
15	Per	for	Hoàn hảo
16	Qua	for	Có phẩm chất
16	Re	for	Sẵn sàng
17	Res	for	Có trách nhiệm
18	Sui	for	Phù hợp
19	Hel	for	Có ích